

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
GOLDEN GATE**
*GOLDEN GATE GROUP
JOINT STOCK COMPANY*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

Số: 02/2026/BCQTCT-GGG
No:02/2026/BCQTCT-GGG

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026
Hanoi, July 29th 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng đầu năm 2026/ *The first 6 month of 2026*)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: The State Securities Commission;

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate
Name of company: Golden Gate Group JSC.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
Address of head office: 60 Giang Van Minh Street, Ba Dinh Ward, Hanoi.
- Điện thoại/Telephone: 0243 722 6354 Fax: 0243 722 6352
- Email:
- Vốn điều lệ/Charter capital: 77.933.140.000 đồng
- Mã chứng khoán/Stock symbol: Không có
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc
Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện
The implementation of internal audit: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

STT <i>No.</i>	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
01	01/2026/NQ-ĐHĐCĐ	29/06/2026	Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 <i>Report on business results 2025 & proposal of business plan 2026</i> Phê duyệt báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 <i>Approval on activities of BOD in 2025</i> Phê duyệt báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán của Công ty năm 2025 <i>Approval of audited separate & consolidated financial statement of 2025</i> Phê duyệt việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 <i>Approval on the selection of auditor for 2026 financial year</i> Thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan của Công ty. <i>Notice of the list of related parties & related benefits of the Company</i> Thông qua việc sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để bù đắp số dư âm của thặng dư vốn cổ phần <i>Approval of the use of retained earnings to offset the negative balance of share premium</i> Phương án phát hành Cổ Phiếu Theo Chương Trình Lựa Chọn Cho Người Lao Động (“Cổ Phiếu ESOP 01.2026”) cho các nhân sự chủ chốt, với mục đích thu hút và giữ chân nhân tài <i>The issuance plan of the Employee Stock Ownership Plan Shares (“ESOP Shares 01.2026”) for key employees, for the purpose of talent acquisitions and retention</i> Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ công ty, sửa đổi điều lệ công ty tương ứng theo kết quả của đợt phát hành <i>Plan of distributing stock dividend and increase of charter capital and amendment of the</i>

STT No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			<i>company's charter according to the result of issuance</i> Phương án phát hành Cổ Phiếu Theo Chương Trình Lựa Chọn Cho Người Lao Động (“Cổ Phiếu ESOP 02.2026”) cho mục đích thưởng các cán bộ nhân viên chủ chốt của các dự án trọng điểm <i>Plan for share issuance under the Employee Stock Ownership Plan (“ESOP Shares 02.2026”) for the purpose of rewarding key employees of big impact projects</i> Phương án phát hành Cổ Phiếu Theo Chương Trình Lựa Chọn Cho Người Lao Động (“Cổ Phiếu ESOP 03.2026”) cho các nhân sự chủ chốt, thu hút và giữ chân nhân tài, theo kết quả kinh doanh của năm 2027 <i>Plan for share issuance under the Employee Stock Ownership Plan (“ESOP Shares 03.2026”) for key personnel, attract and retain talent, for 2027 business performance</i> Kế hoạch chia cổ tức năm 2026 bằng tiền mặt <i>Plan of distributing 2026 cash dividend</i> Thông qua danh sách ứng viên và bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031 <i>Approve the list of candidates and to elect members of the Board of Directors for the term 2026-2031</i> Thông qua danh sách ứng viên và bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 <i>Approve the list of candidates and to elect members of the Board of Supervisory for the term 2026-2031</i> Phê duyệt và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát <i>Approve and issue the Regulations on the operation of the Supervisory Board</i>

STT <i>No.</i>	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			Báo cáo các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó nhưng chưa được thực hiện <i>Reports on contents approved by the latest GMS but has not yet executed</i> Giao triển khai nghị quyết <i>Assignment to implement the Resolution</i>

II. Hội đồng quản trị /Board of Directors:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors:

STT <i>No.</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1.	Ông/Mr Trần Việt Trung	Thành viên Hội đồng quản trị <i>BOD member</i>	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2026 <i>Appointed on 29th June 2026</i>	
2.	Ông/Mr Đào Thế Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị <i>BOD member</i>	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2026 <i>Appointed on 29th June 2026</i>	
3.	Ông/Mr Nguyễn Xuân Tường	Thành viên Hội đồng quản trị <i>BOD member</i>	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2026 <i>Appointed on 29th June 2026</i>	
4.	Ông/Mr. Dickson Loo Tit Choon	Thành viên HĐQT <i>BOD Member</i>	Bổ nhiệm ngày 15/03/2022 <i>Appointed on 15th March 2022</i>	
5.	Ông/Mr. Nguyễn Anh Vũ	Thành viên HĐQT <i>BOD Member</i>	Bổ nhiệm ngày 27/06/2024 <i>Appointed on June 27th 2024</i>	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

STT <i>No.</i>	Thành viên HĐQT/	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
-------------------	------------------	--------------------------	-------------------	---

	<i>Board of Director' member</i>	<i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	<i>Attendance rate</i>	
1.	Ông/Mr Trần Việt Trung	7 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản <i>7 meetings/written opinion collection</i>	100%	Không có <i>None</i>
2.	Ông/Mr Đào Thế Vinh	7 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản <i>7 meetings/written opinion collection</i>	100%	Không có <i>None</i>
3.	Ông/Mr Nguyễn Xuân Tường	7 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản <i>7 meetings/written opinion collection</i>	100%	Không có <i>None</i>
4.	Ông/Mr. Dickson Loo Tit Choon	7 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản <i>7 meetings/written opinion collection</i>	100%	Không có <i>None</i>
5.	Ông/Mr. Nguyễn Anh Vũ	7 cuộc họp/đợt lấy ý kiến bằng văn bản <i>7 meetings/written opinion collection</i>	100%	Không có <i>None</i>

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

Ban Giám đốc và các cấp quản lý đã triển khai các công việc theo quy định tại Điều lệ, các Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT và các công việc khác trong phạm vi thẩm quyền/*The Board of Management and management team implemented in accordance with regulations of Company Charter, GMS & BOD Resolutions and other tasks within its authorization scopes, in which:*

- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2026 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
Preparing business plan 2026 to be submitted for the AGM's approval
- Kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2025
Conducting independent audit on the Financial Statement 2025
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản trị và kiểm soát rủi ro
Enhancing management & risk control activities
- Tiếp tục cập nhật và nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin ở cả khối văn phòng và khối nhà hàng để nâng cao trải nghiệm khách hàng, thực hiện sứ mệnh “Nhân viên hạnh phúc, khách hàng hài lòng”

Continue to update & improve information technology system at office level as well as restaurant level to enhance customer experiences, fulfilling the mission of “Happy employees, pleased customers”

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

Tiểu ban Phát triển bền vững đã thực hiện các công việc trong phạm vi: (i) thiết lập các mục tiêu Phát triển bền vững (“mục tiêu ESG”); (ii) thực hiện các mục tiêu, nhận diện; (iii) phân tích các rủi ro có thể ảnh hưởng đến khả năng đạt được các mục tiêu ESG; và (iv) các công việc khác phát sinh nằm trong phạm vi mục đích hoạt động của Tiểu ban.

The ESG sub-committee has implemented tasks within the scope: (i) to advise the Board on Sustainable Development Goals (“ESG goals”); (ii) realization of ESG goals; (iii) identify and analyze risks, give warnings in advance of risks that may affect the Company's ability to achieve ESG objectives; and (iv) other tasks that arise within the scope of work of the Sub-committee.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2026/Resolutions/Decisions of the Board of Directors in Year 2026

STT No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày DD/MM/Y YYY	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1.	01/2026/NQ-HĐQT	09/01/2026	Phê duyệt việc mua lại cổ phiếu ESOP <i>Approves the redemption of ESOP shares</i>	100%
2.	02-1/2026/NQ-HĐQT	11/03/2026	Phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư vào nhà máy thực phẩm Golden Gate tại Tiên Tiến <i>Approves the adjustment of the total investment cost of Golden Gate food manufacturing factory located in Tien Tien</i>	100%
3.	02-2/2026/NQ-HĐQT	22/05/2026	Phê duyệt việc điều chỉnh phương án vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (“Golden Gate” hoặc “GGG”) với ngân hàng <i>Approves the adjustment of the bank loan plan of Golden Gate Group Joint Stock Company (“Golden Gate” or “GGG”)</i>	100%
4.	02-3/2026/NQ-HĐQT	11/03/2026	Phê duyệt việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường	100%

STT No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>DD/MM/Y</i> YYY	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			niên (“ĐHĐCĐ thường niên”) năm 2026 <i>Approves on the delay of the Annual General Shareholder Meeting (“AGM”) 2026</i>	
5.	02-4/2026/NQ-HĐQT	02/01/2026	Phê duyệt điều chỉnh phương án vay của Golden Gate và công ty con <i>Approval on the adjustment of the loan plan between Golden Gate and its subsidiary</i>	100%
6.	02-5/2026/NQ-HĐQT	22/05/2026	Phê duyệt phương án vay vốn của Golden Gate với ngân hàng <i>Approves the bank loan plan of Golden Gate</i>	100%
7.	02-6/2026/NQ-HĐQT	22/05/2026	Phê duyệt phương án vay vốn của Golden Gate với ngân hàng <i>Approves the bank loan plan of Golden Gate</i>	100%
8.	03-1/2026/NQ-HĐQT	24/04/2026	Phê duyệt nội dung bản Kế hoạch kinh doanh năm 2025 cho mục đích trình Đại hội đồng cổ đông phê duyet tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên <i>Approves the content of Business Plan for 2025 for the purpose of submission to the Annual General Meeting of Shareholder for approval at the Annual General Meeting</i>	100%
9.	03-2/2026/NQ-HĐQT	24/04/2026	Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2026 <i>Approves the capital expenditure plan for 2026</i>	100%
10.	04/2026/NQ-HĐQT	07/05/2026	Phê duyệt việc góp vốn của Golden Gate vào công ty con	100%

STT No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>DD/MM/Y</i> <i>YYY</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Approval for the capital contribution of Golden Gate to its subsidiary</i>	
11.	05/2026/NQ-HĐQT	01/06/2026	Phê duyệt tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 <i>Approval on the Annual General Meeting of Shareholder 2026 documents</i>	100%
12.	06-1/2026/NQ-HĐQT	25/05/2026	Phê duyệt việc thành lập Công ty TNHH Soroban Vietnam <i>Approval on the establishment of Soroban Vietnam Co., Ltd.</i>	100%
13.	07/2026/NQ-HĐQT	08/06/2026	Phê duyệt giao dịch với bên liên quan giữa Golden Gate và công ty con <i>Approves the related party transaction between Golden Gate and its subsidiary</i>	100%

III. Ban kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:*

Stt No.	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
	Ông Tăng Chí Minh <i>Mr. Tang Chi Minh</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the</i>	Bổ nhiệm ngày 29/6/2026 <i>Appointed on 29th June 2026</i>	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>

		<i>Supervisory Board</i>		
	Ông Lê Quốc Tuấn <i>Mr. Le Quoc Tuan</i>	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Supervisory Board</i>	Bổ nhiệm ngày 29/6/2026 <i>Appointed on 29th June 2026</i>	Kỹ sư Kinh tế/Thạc sĩ quản lý Kinh tế/Cử nhân Luật <i>Engineer in Economics/ Master of Economic Management/ Bachelor of Laws</i>
	Bà Tạ Thị Thu Hiền <i>Ms. Ta Thi Thu Hien</i>	Thành viên Ban kiểm soát/ <i>Member of the Supervisory Board</i>	Bổ nhiệm ngày 29/6/2026 <i>Appointed on 29th June 2026</i>	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh/Cử nhân Kiểm toán <i>Master of Business Administration/Bachelor of Auditing</i>

2. Cuộc họp của BKS/Ủy ban Kiểm toán/*Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee*

Trong kỳ Báo cáo Ban Kiểm soát không có cuộc họp. / *During the reporting period, the Board of Supervisors did not hold any meetings.*

3. Hoạt động giám sát của BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

Trong kỳ Báo cáo Ban Kiểm soát không có Hoạt động giám sát (các thành viên Ban Kiểm soát được bổ nhiệm ngày 29/6/2026) / *During the reporting period, the Board of Supervisors did not conduct any supervisory activities (the members of the Board of Supervisors were appointed on 29 June 2026).*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Trong kỳ Báo cáo Ban Kiểm soát không có Hoạt động phối hợp (các thành viên Ban Kiểm soát được bổ nhiệm ngày 29/6/2026) / *During the reporting period, the Board of Supervisors did not carry out any coordination activities (the members of the Board of Supervisors were appointed on 29 June 2026).*

5. Hoạt động khác của BKS/Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

Trong kỳ Báo cáo Ban Kiểm soát không có Hoạt động khác (các thành viên Ban Kiểm soát được bổ nhiệm ngày 29/6/2026) / *During the reporting period, the Board of Supervisors did not conduct any other activities (the members of the Board of Supervisors were appointed on 29 June 2026).*

IV. Ban điều hành/*Board of Management*

STT <i>No.</i>	Thành viên Ban điều hành <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1.	Ông/Mr. Đào Thế Vinh – Tổng Giám đốc/CEO	14/09/1972	Cử nhân Kỹ sư khí tượng <i>Bachelor of Meteorological Engineering</i>	01/07/2008	N/A
2.	Ông/Mr. Nguyễn Xuân Tường – Phó Tổng giám đốc/Deputy CEO	28/01/1972	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>		N/A
3.	Bà/Ms. Nguyễn Phương Lan – Giám đốc tài chính/CFO	11/09/1978	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh <i>Msc of Business Administration</i>	01/07/2021	N/A

V. Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>
Ông/Mr. Nguyễn Mạnh Đức	02/07/1975	Cử nhân Kế toán <i>Bachelor of Accountancy</i>	01/01/2022

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:*

Trong năm 2026, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác đã tham gia nhiều khóa đào tạo về quản trị Công ty.

In 2026, BOD members, CEO, and other managers has attended several training courses on corporate governance.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty tính đến 30/06/2026/*The list of affiliated persons of the public and transactions of affiliated persons of the Company until 30th June 2026*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty tính đến 30/06/2026/*The list of affiliated persons of the Company until 30th June 2026*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
1.	Ông Đào Thế Vinh Mr. Dao The Vinh	Tổng Giám đốc / Thành viên HĐQT/ Người đại diện theo pháp luật General Director / Board Member/ Legal Representative	-	-	09/04/2008 09 April 2008		Người nội bộ Internal Person
2.	Ông Trần Việt Trung Mr. Tran Viet Trung	Chủ tịch HĐQT / Giám đốc Thương mại Chairman / Commercial Director	-	-	09/04/2008 09 April 2008		Người nội bộ Internal Person
3.	Ông Nguyễn Xuân Tường Mr. Nguyen Xuan Tuong	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc Board Member/ Deputy General Director	-	-	09/04/2008 09 April 2008		Người nội bộ Internal Person
4.	Ông Dickson Loo Tit Choon Mr. Dickson Loo Tit Choon	Thành viên HĐQT Board Member	-	-	29/01/2022 29 January 2022		Người nội bộ Internal Person
5.	Ông Nguyễn Anh Vũ Mr. Nguyen Anh Vu	Thành viên HĐQT Board Member	-	-	27/06/2024 27 June 2024		Người nội bộ Internal Person
6.	Bà Nguyễn Phương Lan Mrs. Nguyen Phuong Lan	Giám đốc tài chính CFO	-	-	01/07/2021 1 July 2021		Người nội bộ Internal Person
7.	Ông Nguyễn Mạnh Đức Mr. Nguyen Manh Duc	Kế toán trưởng Chief Accountant	-	-	28/12/2021 28 December 2021		Người nội bộ Internal Person

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
8.	Ông Lê Quốc Tuấn Mr. Le Quoc Tuan	Trưởng Ban Pháp chế/ Thành viên Ban kiểm soát/ Người được ủy quyền công bố thông tin Head of Legal/ Member of the Supervisory Board/ Authorized spokesperson	-	-	30/03/2019 30 March 2019		Người nội bộ Internal Person
9.	Bà Hoàng Thu Hương Ms. Hoang Thu Huong	Người phụ trách quản trị công ty Person in charge of corporate governance	-	-	17/11/2022 17 November 2022		Người nội bộ Internal Person
10.	Ông Tăng Chí Minh Mr. Tang Chi Minh	Thành viên Ban kiểm soát/ Member of the Supervisory Board	-	-	29/06/2026 29 June 2026		Người nội bộ Internal Person
11.	Bà Tạ Thị Thu Hiền Ms. Ta Thi Thu Hien	Thành viên Ban kiểm soát/ Member of the Supervisory Board	-	-	29/06/2026 29 June 2026		Người nội bộ Internal Person
12.	Công ty Cổ phần Golden Gate Partners Golden Gate Partners Joint Stock Company	-	0106577012 cấp ngày 19/06/2014 Bồi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0106577012 issued on 19 June 2014 by BRO-DPI Hanoi	Số 10, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No 10, Hoa Ma, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba	19/06/2014 19 June 2014		Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Enterprises hold more than 10% of voting shares or

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
				Trung District, Hanoi, Vietnam			stakes of the Company
13.	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) Golden Gate Foods Company Limited (previously known as Tay Ho - Vinh Phuc Investment Company Limited)	-	2500233937 cấp ngày 29/10/2004 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 2500233937 issued on 29 October 2004 BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, Tòa nhà Toyota, số 315 đường Trường Chinh, Phường Phường Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam 6th Floor, Toyota Building, No. 315 Trường Chinh Street, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam.	01/01/2020 1 January 2020		Công ty con Subsidiary company
14.	Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam Sumibi Vietnam JSC	-	0110542767 cấp ngày 15/11/2023 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0110542767 issued on 15 November 2023 by BRO- DPI Hanoi	Số 551 phố Kim Mã, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 551, Kim Ma street, Giang Vo ward, Hanoi city, Vietnam	01/12/2023 01 December 2023		Công ty con Subsidiary company
15.	CTCP The Concept House The Concept House Joint Stock Company	-	0107729860 cấp ngày 21/02/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107729860 issued on 21 February 2017 by BRO- DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phường Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	21/02/2017 21 February 2017		Công ty con Subsidiary company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
				6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam			
16.	Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate Golden Gate Construction Company Limited		0110688621 cấp ngày 16/04/2024 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0110688621 issued on 16 April 2024 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam	16/04/2024 16 April 2024		Công ty con Subsidiary company
17.	CTCP Golden Sakura Golden Sakura Joint Stock Company	-	0106863239 cấp ngày 28/05/2015 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội 0106863239 issued on 28 May 2015 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 1, tòa nhà Sunrise Building, D11 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam F1, Sunrise Building, D11 Cau Giay New Urban Area, Cau	28/05/2015 28 May 2015		Công ty con Subsidiary company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
18.	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots Golden Gate Red Hots Company Limited	-	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM 0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO- DPI HCM City	Giay Ward, Hanoi, Vietnam Tầng 7 TTMM Gigamall, Số 240- 242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Pham Van Dong, Hiiep Binh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	20/01/2017 20 January 2017		Công ty con Subsidiary company
19.	Công ty TNHH Golden Gate Franchise Golden Gate Franchise Co., Ltd	-	0107647840 cấp ngày 25/11/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107647840 issued on 25 November 2016 by BRO- DPI Hanoi	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 60, Giang Van Minh Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam	25/11/2016 25 November 2016		Công ty con Subsidiary company
20.	Công ty TNHH giải pháp nguồn nhân lực Golden Stars (Tên cũ:	-	0107608351 cấp ngày 24/10/2016 bởi Phòng	Lô 38H Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang	24/10/2016 24 October 2016		Công ty con Subsidiary company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
	Công ty TNHH MTV The Coffee Inn) Golden Stars Human Resource Solutions Company Limited (Former name: The Coffee Inn Co., Ltd.)		ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107608351 issued on 24 October 2016 by BRO- DPI Hanoi	Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Lot 38H Quang Minh Industrial Zone, Quang Minh Commune, Hanoi City, Vietnam			
21.	Công ty TNHH Golden Gate International/ Golden Gate International Co., Ltd		0110823937 cấp ngày 27/08/2024 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội/ 0110823937 issued on 27 August 2024 by BRO- DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trương Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam	27/08/2024 27 August 2024		Công ty con Subsidiary company
22.	SELETAR INVESTMENTS PTE LTD	-	199100018G cấp ngày 03/01/1991 bởi Cơ quan Quản lý Doanh nghiệp và Kế toán 199100018G issued on 03 January 1991 by Accounting and Corporate Regulatory Authority	60B Orchard Road #06-18 The Atrium @ Orchard Singapore (238891)	15/03/2022 15 March 2022		Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Enterprises hold more than 10% of voting shares or stakes of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
23.	Công ty TNHH Cổng Vàng Vinh Golden Gate Vinh Company Limited	-	2901721473 cấp ngày 20/05/2014 bởi Phòng ĐKKD Sở KHĐT Tỉnh Nghệ An 2901721473 issued on 20 May 2014 by BRO- DPI Nghệ An	Số 45, đường Quang Trung - Phường Quang Trung - Thành phố Vinh - Nghệ An. No 45 Quang Trung Ward, Vinh City, Nghệ An	15/04/2015 15 April 2015		Công ty liên kết Associated company
24.	Công Ty TNHH Đầu Tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc Tay Ho - Vinh Phuc Investment Company Limited	-	0110963677 cấp ngày 24/02/2025 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội 0110963677 issued on 24 February 2025 by BRO- DPI Hanoi	Lô 38H, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam Lot 38H, Quang Minh Industrial Park, Quang Minh Commune, Hanoi City, Vietnam	24/02/2025 24 February 2025		Công ty con Subsidiary company
25.	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN VN Coffee Tea Service Trading Corporation	-	0312867172 cấp ngày 23/07/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM 0312867172 issued on 23 July 2014 by BRO-DPI HCM City	223 Võ Văn Tần, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 223 Vo Van Tan, Ban Co Ward., Ho Chi Minh City, Vietnam	08/01/2025 08 January 2025		Công ty con Subsidiary company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company
26.	Công ty TNHH Hello Việt Nam Hello Vietnam Limited	-	No. PVT-GYUQYP2Q	P.O Box 13772, The Alchemist Building, Parklands Road, Westlands Area, Westlands District, Nairobi Country, Republic of Kenya	31/10/2023 31st October 2023		Công ty con Subsidiary company
27.	Công ty TNHH Soraban Vietnam Soraban Vietnam Co., Ltd	-	0111516720 cấp ngày 27/05/2026 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0111516720 issued on 27. May 2026 BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam	27/05/2026 27 th May 2026		Công ty con Subsidiary company
28.	Vũ Thị Phương		-	-	01/12/2023 01 December 2023		Chủ tịch HĐQT của Công ty con BOD's Chairman of the Subsidiary
Và các người có liên quan của người nội bộ được trình bày tại Mục 1, Điều VIII trong báo cáo này And related parties of internal person which is presented at Clause 1, Article V/H of this report							

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

NSH⁹ No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organizations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, total quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
1.	Công ty TNHH Golden Gate Franchise Golden Gate Franchise Co., Ltd	Công ty con Subsidiary	0107647840 cấp ngày 25/11/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107647840 issued on 25 November 2016 by BRO-DPI Hanoi	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 60, Giang Van Minh Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam	2026	Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT Resolution No 16-1/2023/NQ-HĐQT	Doanh thu bán hàng: 250.513.129 VNĐ Sale of goods: VNĐ 250.513.129 Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh: 2.445.924.000 VNĐ Profit from BCC: VNĐ 2.445.924.000 Doanh thu cung cấp dịch vụ: 1.360.987.453 VNĐ	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT thông qua Resolution No. or Decision No. approved by General Meetings/Shareholders/Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
							Sale of services: VND 1,360,987,453 Thu nhập từ thanh lý tài sản: VND 13,598,409 Disposal of assets: VND 13,598,409 Mua hàng hóa: VND 8,983,579 Purchase of goods: VND 8,983,579	
2.	CTCP The Concept House The Concept House Joint Stock Company	Công ty con Subsidiary	0107729860 cấp ngày 21/02/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107729860 issued on 21 February 2017 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Trường Chinh, Hanoi City, Vietnam	2026	Nghị quyết số 12-4/2022/NQ-HĐQT Resolution No 12-4/2022/NQ-HĐQT	Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh: VND 330,750,000 Share profit from BCC: VND 330,750,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, total quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
3.	Công ty TNHH giải pháp nguồn nhân lực Golden Stars Human Resource Solutions Company Limited	Công ty con Subsidiary	0107608351 cấp ngày 24/10/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107608351 issued on 24 October 2016 by BRO-DPI Hanoi	Lô 38H Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Lot 38H Quang Minh Industrial Zone, Quang Minh commune, Hanoi City, Vietnam	2026	Nghị quyết số 12-4/2022/NQ-HĐQT Resolution No 12-4/2022/NQ-HĐQT	Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh: 198.450.000 VND Share profit from BCC: VND 198,450,000	
4.	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate Golden Gate Foods Company Limited	Công ty con Subsidiary	2500233937 cấp ngày 29/10/2004 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 2500233937 issued on 29 October 2004 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Trường Chinh, Phường Liet Ward,	2026	Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT Resolution No 16-1/2023/NQ-HĐQT	Doanh thu bán hàng: 3.789.873.782 VND Sale of goods: VND 3,789,873,782	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
				Hanoi City, Vietnam			Doanh thu cung cấp dịch vụ: 1.800.000.000 VND Sale of services: VND 1,800,000,000 Mua dịch vụ: 77.975.202.516 VND Purchase of services: VND 77,975,202,516 Thu nhập từ thanh lý tài sản: 19.044.146 VND Disposal of assets: VND 19,044,146	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua Decision No. approved by General Meetings/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
5.	Công ty TNHH Soraban Vietnam Soraban Vietnam Co., Ltd	Công ty con Subsidiary	0111516720 cấp ngày 27/05/2026 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0111516720 issued on 27 May 2026 BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam	2026	Nghị quyết số 06-1/2026/NQ-HĐQT Resolution No 06-1/2026/NQ-HĐQT	Góp vốn: 2.000.000.000 VND Capital contribution: VND 2,000,000,000	
6.	Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam Sumibi Vietnam JSC	Công ty con Subsidiaries	0110542767 cấp ngày 15/11/2023 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0110542767 issued on 15 November 2023 by BRO-DPI Hanoi	Số 551 phố Kim Mã, phường Giang Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 551, Kim Ma Street, Giang Vo ward, Hanoi city, Vietnam	2026	Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT Resolution No 16-1/2023/NQ-HĐQT	Doanh thu bán hàng: 5.891.288.249 VND Sales of goods: VND 5,891,288,249 Doanh thu cung cấp dịch vụ: 2.416.876.906 VND Sale of services: VND 2,416,876,906	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT thông qua Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
							Mua hàng hóa: 237.117.051 VND Purchase of goods: VND 237,117,051 Thu nhập từ thanh lý tài sản: 39.602.247 VND Disposal of assets: VND 39,602,247 Mua tài sản: 652.301.769 VND Purchase of assets: VND 652,301,769 Cho vay: 12.200.000.000 VND Lending: 12,200,000,000 VND Lãi cho vay: 49.969.863 VND Interest income: 49,969,863 VND	
7.	Công ty TNHH Công Vàng Vĩnh	Công ty liên kết Associate	2901721473 cấp ngày 20/05/2014 bởi Phòng ĐKKD Sở	Số 45, đường Quang Trung, Phường Thành	2026	Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT Resolution No	Doanh thu bán hàng: 8.068.075.767	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/HĐQT thông qua Decision No. or Resolution No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
	Golden Gate Vinh Company Limited		KHĐT Tỉnh Nghệ An 2901721473 issued on 20 May 2014 by BRO- DPI Nghệ An	Vinh, Nghệ An No 45 Quang Trung, Thanh Vinh Ward, Nghe An		16-1/2023/NQ-HĐQT	VND Sale of goods: VND 8,068,075,767	
8.	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots Golden Gate Red Hots Company Limited	Công ty con Subsidiaries	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM 0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO-DPI HCM City	Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Phạm Văn Đồng, Hiệp Bình Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	2026	Nghị quyết số 10-3/2023/NQ-HĐQT Resolution No 10-3/2023/NQ-HĐQT	Cho mượn mặt bằng: 0 VND Lend office space: 0 VND	Thu nhập từ phí nhượng quyền: 1.394.336.011 VND Franchise income: VND 1,394,336,011
9.	Công ty TNHH Hello Việt Nam Hello Vietnam Limited	Công ty con Subsidiary company	No. PVT-GYUQYP2Q	P.O Box 13772, The Alchemist Buiding, Parklands Road, Westlands	2026	Nghị quyết số 16-1/2023/NQ-HĐQT Resolution No 16-1/2023/NQ-HĐQT	Doanh thu bán hàng: 910.014.116 VND	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHDCB/HĐQT thông qua Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
				Area, Westlands District, Nairobi Country, Republic of Kenya			Sales of goods: VND 910,014,116 Doanh thu cung cấp dịch vụ: VND 152,106,480 Sale of services: VND 152,106,480	
			0312867172 cấp ngày 23/07/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM 0312867172 issued on 23 July 2014 by BRO-DPI HCM City	223 Võ Văn Tần, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 223 Vo Van Tan, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam		Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐQT Resolution No 18/2024/NQ-HDQT	Lãi cho vay: VND 968,246,685 Interest income: VND 968,246,685 Doanh thu bán hàng: VND 9.132.586.534 Sale of goods: VND 9,132,586,534	
10.	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN VN Coffee Tea Service Trading Corporation	Công ty con Subsidiaries			2026		Thu nhập từ thanh lý tài sản: VND 185.731.807 Disposal of assets: VND 185,731,807	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua Decision No. or Resolution No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
							Mua hàng hóa: 1.171.985.403 VND Purchase of goods: VND 1,171,985,403	
							Doanh thu cung cấp dịch vụ: 4.507.327.710 VND Sale of services: VND 4,507,327,710	
							Mua tài sản: 1.272.178.638 VND Purchase of assets: VND 1,272,178,638	
							Mua dịch vụ: 360.726.000 VND Purchase of services: VND 360,726,000	
							Góp vốn: 15.000.000.000 VND Capital contribution: VND 15,000,000,000	
						Nghị quyết số 03-2/2026/NQ-HĐQT Resolution No 03-2/2026/NQ-HĐQT		

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)
 NSH* No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organizations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

STT No.	Tên tổ chức Name of organization	Mối quan hệ liên quan với người nội bộ Relationships with internal person	Số Giấy NSH* ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Dịa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution No. or Decision No.	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
1	CTCP Phát triển sản xuất và Thương mại Hoàng An Hoàng An Production Development and Trade Joint Stock Company	Ông Trần Việt Trung là Thành viên HĐQT Mr. Tran Viet Trung is Board member	0104785962 cấp ngày 07/07/2010 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0104785962 issued on 07 July 2010 by BRO-DPJ Hanoi	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 60, Giang Van Minh Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam	2026	Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate BCC contract with Golden Gate Foods Company Limited	Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate: 1.627.388.000 VND Profit from BCC contract with Golden Gate Foods Company Limited: VND 1,627,388,000	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).

Không có/None.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).

STT No.	Tên tổ chức Name of organization	Mối quan hệ liên quan với người nội bộ Relationships with internal person	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution No. or Decision No.	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
1.	CTCP Lychee Lychee Joint Stock Company	Bà Phan Thị Lan Hương (vợ Ông Đào Thế Vinh) là Tổng giám đốc / Người đại diện theo pháp luật Ms. Phan Thi Lan Huong (Mr. Dao The Vinh's wife) is the General Director / Legal representative	0107465512 cấp ngày 07/06/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107465512 issued on 07 June 2016 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, số 144 phố Đội Cấn, Phường Ngọc Hà, Hà Nội. F6, No 144 Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi, Vietnam	2026	Hợp đồng mua bán Sale contract	Mua hàng hóa: 117.504.000 VNĐ Purchase of good: 117,504,000 VND	

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.
Không có/None.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/Share transactions of internal persons and their affiliated persons

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons

STT <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1.	Ông Đào Thế Vinh <i>Mr. Dao The Vinh</i>		Tổng Giám đốc / Thành viên HĐQT/ Người đại diện theo pháp luật <i>General Director / Board Member/ Legal Representative</i>	-	-	467.119	5,99%	-
1.1.	Phan Thị Lan Hương <i>Mrs. Phan Thi Lan Huong</i>		Không. <i>None.</i>	-	-	0	0%	Vợ <i>Wife</i>
1.2.	Đào Quần <i>Dao Quan</i>		Không. <i>None.</i>	-	-	0	0%	Con đẻ <i>Son</i>
1.3.	Đào Nam <i>Dao Nam</i>		Không. <i>None.</i>	-	-	0	0%	Con đẻ <i>Son</i>
1.4.	Đào Thế Anh <i>Dao The Anh</i>		Không. <i>None.</i>	-	-	0	0%	Con đẻ <i>Son</i>

STT <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1.5.	Đào Nhật Quang <i>Mr. Dao Nhật Quang</i>		Không. <i>None.</i>	-	-	15.000	0,19%	Anh ruột <i>Brother</i>
1.6.	Phan Thu Hương <i>Mrs. Phan Thu Hương</i>		Không. <i>None.</i>	-	-	0	0%	Chị dâu <i>Sister in law</i>
1.7.	Phan Thanh Vương <i>Mr. Phan Thanh Vương</i>		Không. <i>None.</i>	-	-	0	0%	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
1.8.	Trịnh Thị Lan <i>Mrs. Trinh Thị Lan</i>		Không. <i>None.</i>	-	-	0	0%	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
1.9.	Trần Thị Bạch Yến <i>Mrs. Tran Thị Bạch Yến</i>		Không. <i>None.</i>	-	-	0	0%	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
1.10.	CTCP Phát triển sản xuất và Thương		Không. <i>None.</i>	0104785962 cấp ngày 07/07/2010 bởi Phòng ĐKKD	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn,	0	0%	Sở hữu cổ phần

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	mại Hoàng An Hoang An Production Development and Trade Joint Stock Company			– Sở KHĐT TP Hà Nội 0104785962 issued on 07 July 2010 by BRO-DPI Hanoi	Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 60, Giang Van Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam			Owing shares
1.11.	CTCP Thực phẩm W&E W & E Food Joint Stock Company		Chủ tịch HĐQT Chairman of BOD	0107343546 cấp ngày 04/03/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107343546 issued on 04 March 2016 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 9, Tòa nhà Toyota Thanh Xuân, số 315 đường Trường Chinh, Phường Phượng Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 9th Floor, Toyota Thanh Xuan Building, No. 315 Truong Chinh Street, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam.	0	0%	Sở hữu cổ phần Owing shares
1.12.	CTCP Quince Việt Nam Quince Vietnam		Không None	0107275705 cấp ngày 31/12/2015 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội	Số 11, ngách 9/2 Đặng Thai Mai - Phường Quảng An - Quận Tây Hồ - Hà Nội.	0	0%	Sở hữu cổ phần Owing shares

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Joint Stock Company			0107275705 issued on 31 December 2015 by BRO-DPI Hanoi	No 11, Lane 9/2 Dang Thai Mai, Quang An, Tay Ho, Hanoi			
1.13.	CTCP Two Kings Invest Two Kings Invest Joint Stock Company		Chủ tịch HDQT/Giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật. BOD's Chairman/ Director/ Legal representative	0107600793 cấp ngày 17/10/2016 bởi Phòng ĐKKD - Sở KHDĐT TP Hà Nội 0107600793 issued on 17 October 2016 by BRO-DPI Hanoi	Số nhà 43, lô đất TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1, Phường Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội No 43, lô đất TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1 Mỹ Đinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi	0	0%	Sở hữu cổ phần Owning shares
1.14.	CTCP Thế giới di động Mobile World Joint Stock Company		Thành viên độc lập HDQT Board Member	0303217354 cấp ngày 05/04/2004 bởi Phòng ĐKKD - Sở KHDĐT TP Hà Nội 0303217354 issued on 05 April 2004 by BRO-DPI HCM City	128 Trần Quang Khải - Phường Tân Định - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh. No 128 Tran Quang Khai, Tan Dinh Ward, District 1, HCM City	0	0%	-
1.15.	CTCP Golden Gate Partners		Chủ tịch HĐQT Chairman of BOD	0106577012 cấp ngày 19/06/2014 bởi Phòng ĐKKD - Sở KHDĐT Hà Nội	Số 10, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng,	2.300.000	29,51%	Sở hữu cổ phần Owning shares

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Golden Gate Partners Joint Stock Company			Nội 0106577012 issued on 19 June 2014 by BRO-DPI Hanoi	Thành phố Hà Nội, Việt Nam. No. 10, Hoa Ma Street, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi City, Vietnam.			
1.16.	CTCP Lychec Lychec Joint Stock Company		Bà Phan Thị Lan Hương (vợ) là Tổng giám đốc / Người đại diện theo pháp luật Ms. Phan Thi Lan Huong (wife) is the General Director / Legal representative	0107465512 cấp ngày 07/06/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107465512 issued on 07 June 2016 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, số 144 phố Đội Cấn - Phường Đội Cấn - Quận Ba Đình - Hà Nội. F6, No 144 Doi Can, Doi Can Ward, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam	0	0%	-
1.21	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc)		Người đại diện phần vốn góp Representative of contributed capital	2500233937 cấp ngày 29/10/2004 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 2500233937 issued on 29 October 2004 BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Phuong Hanoi	0	0%	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Golden Gate Foods Company Limited (previously known as Tay Ho - Vinh Phuc Investment Company Limited)				Liet Ward, Hanoi City, Vietnam			
1.22	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots Golden Gate Red Hots Company Limited		Chủ tịch Công Ty Company Chairman	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM 0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO-DPI HCM City	Tầng 7 TTMM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Phạm Văn Đồng, Hiệp Bình Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	0	0%	
1.23	Công ty TNHH		Giám đốc/ Đại diện theo pháp luật	0107647840 cấp ngày 25/11/2016 bởi Phòng ĐKKD	Số 60, phố Giang Văn Mính, Phường Ba Đình,	0	0%	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Golden Gate Franchise Golden Gate Franchise Co., Ltd		Director/ Legal Representative	– Sở KHĐT TP Hà Nội 01107647840 issued on 25 November 2016 by BRO-DPI Hanoi	Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 60, Giang Van Minh Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam			
1.24	Công ty TNHH Golden Gate International/ Golden Gate International Co., Ltd		Chủ tịch Công ty/ Giám đốc/ Đại diện theo pháp luật/ Người đại diện phần vốn Chairman/Director/ Legal representative/ Representative of contributed capital	0110823937 cấp ngày 27/08/2024 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội/ 0110823937 issued on 27 August 2024 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Trường Chinh, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0%	
1.25	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN VN Coffee Tea Service Trading Corporation		Chủ tịch HĐQT Chairman	0312867172 cấp ngày 23/07/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM 0312867172 issued on 23 July 2014 by	223 Võ Văn Tần, Phường Bàn Cờ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam 223 Vo Van Tan Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.	0	0	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
1.26	Công ty TNHH Đầu Tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc Tay Ho - Vinh Phuc Investment Corporation Limited		Tổng giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật General Director/ Legal Representative	0110963677 cấp ngày 24/02/2025 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội 0110963677 issued on 24 February 2025 by BRO-DPI Hanoi	Lô 38H, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam Lot 38H, Quang Minh Industrial Park, Quang Minh Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0%	
1.27	Công ty TNHH Soroban Việt Nam Soroban Vietnam Co., Ltd		Chủ tịch kiêm giám đốc/ Người đại diện theo pháp luật Chairman cum Director/Legal representatives	0111516720 cấp ngày 27/05/2026 tại phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội 0111516720 issued on 27th May 2026 by Department of Business	Tầng 6, tòa nhà Toyota, 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội Floor 6, Toyota Building, 315 Truong Chinh, Phuong Liet Ward, Hanoi	0	0%	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
2.	Trần Trung Mr. Tran Viet Trung		Chủ tịch HĐQT / Giám đốc Thương mại Chairman / Commercial Director	-	-	388.223	4,98%	-
2	Nguyễn Thị Thắng Mrs. Nguyen Thi Thang		Không. None.	-	-	258.227	3,31%	Vợ Wife
2	Trần Minh Hoàng Mr. Tran Minh Hoang		Không. None.	-	-	0	0%	Con Son
2	Trần Minh Khôi Mr. Tran Minh Khoi		Quản lý Woomaster HCM Woomaster HCMC Manager	-	-	0	0%	Con Son
2	Lê Thanh Vi		Không. None.	-	-	0	0%	Con dâu

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Mrs. Le Thanh Vi							Daughter-in-law
2	Lê Thị Long Mrs. Le Thi Long		Không. None.	-	-	0	0%	Mẹ đẻ Mother
2	Trần Văn Binh Mr. Tran Van Binh		Không. None.	-	-	0	0%	Bố đẻ Father
2	Nguyễn Văn Phiêu Mr. Nguyen Van Phieu		Không. None.	-	-	0	0%	Bố vợ Father-in-law
2	Trần Lê Hong Vân Ms. Tran Le Hong Van		Không. None.	-	-	4.538	0,06%	Em gái Sister
2	Ngô Toàn Thắng Mr. Ngo Toan Thang		Không. None.	-	-	0	0%	Em rể Brother in law
2	CTCP Phát triển sản xuất và Thương		Thành viên HĐQT Board Member	0104785962 cấp ngày 07/07/2010 bởi Phòng ĐKKD	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	0%	Sở hữu cổ phần Owning shares

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	mại Hoàng Ân Hoang An Production Development and Trade Joint Stock Company			– Sở KHĐT TP Hà Nội 0104785962 issued on 07 July 2010 by BRO-DPI Hanoi	No. 60, Giang Vah Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam			
2	CTCP Golden Gate Partners Golden Gate Partners Joint Stock Company		Đại diện theo pháp luật/ Thành viên HDQT Legal representative/ Board Member	0106577012 cấp ngày 19/06/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Hà Nội 0106577012 issued on 19 June 2014 by BRO-DPI Hanoi	Số 10, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. No. 10, Hoa Ma Street, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi City, Vietnam.	2.300.000	29,51%	Sở hữu cổ phần Owning shares
2	Công ty TNHH TVT Trading Brand TVT Trading Brand Co., Ltd		Giám đốc / Người đại diện theo pháp luật Director / Legal representative	0110332463 cấp ngày 24/04/2023 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Hà Nội 0110332463 issued on 24 April 2023 by BRO-DPI Hanoi	Số 66, ngõ 56 Vũ Miên, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 66, alley 56 Vu Mien, Yen Phu Ward, Tay Ho District, Hanoi City, Vietnam	0	0%	Chủ sở hữu Owner

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
2	Công ty TNHH Thực phẩm Golden Gate (trước đây là Công ty TNHH Đầu tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc) Golden Gate Foods Company Limited (previously known as Tay Ho - Vinh Phuc Investment Company Limited)		Chủ tịch Công ty/Người đại diện pháp luật Company's Chairman/Legal Representative	2500233937 cấp ngày 29/10/2004 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 2500233937 issued on 29 October 2004 BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Trường Chinh, Phường Liet Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0%	
2	Công ty Cổ phần Sumibi Việt Nam Sumibi Vietnam JSC		Người đại diện pháp luật/ Đại diện phần vốn góp Legal Representative/	0110542767 cấp ngày 15/11/2023 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0110542767 cấp ngày 15/11/2023 bởi phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội	Số 551 phố Kim Mã, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	0%	Từ 7/5/2024 Since 7 May 2024

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
			Representative of contributed capital	0110542767 issued on 15 November 2023 by BRO-DPI Hanoi	No. 551, Kim Ma street, Giang Vo Ward, Hanoi city, Vietnam			
2	Công ty TNHH Xây dựng Golden Gate Golden Gate Construction Co., Ltd		Chủ tịch Công ty/Người đại diện pháp luật/ Đại diện phần vốn góp Company Chairman/Legal Representative/ Representative of contributed capital	0110688621 cấp ngày 16/04/2024 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0110688621 issued on 16 April 2024 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Truong Chinh, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0%	
2	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots Golden Gate Red Hots Company Limited		Đại diện phần vốn góp/ Representative of contributed capital	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM 0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO-DPI HCM City	Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Phạm Văn Đồng, Hiệp Bình Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	0	0%	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
2	Công ty TNHH Golden Gate Franchise Golden Gate Franchise Co., Ltd		Chủ tịch Công ty/ Đại diện phần vốn góp Company Chairman/ Representative of contributed capital	0107647840 cấp ngày 25/11/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107647840 issued on 25 November 2016 by BRO-DPI Hanoi	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 60, Giang Văn Minh Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0%	
2	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN VN Coffee Tea Service Trading Corporation		Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT/ Người đại diện theo pháp luật General Director/ Board Member/ Legal Representative	0312867172 cấp ngày 23/07/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM 0312867172 issued on 23 July 2014 by BRO-DPI HCM City	223 Võ Văn Tần, Phường Bàn Cờ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam 223 Vo Van Tan Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam	0	0%	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
2	Công Ty TNHH Đầu Tư Tây Hồ - Vĩnh Phúc Tây Hồ - Vĩnh Phúc Investment Corporation Limited		Chủ tịch Công ty/ Người đại diện phần vốn góp Chairman/ Representative of contributed capital	0110963677 cấp ngày 24/02/2025 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội 0110963677 issued on 24 February 2025 by BRO-DPI Hanoi	Lô 38H, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam Lot 38H, Quang Minh Industrial Park, Quang Minh Commune, Hanoi City, Vietnam	0	0%	
2	CTCP The Concept House The Concept House Joint Stock Company	-	Người đại diện pháp luật/ Đại diện phần vốn góp Legal Representative/ Representative of contributed capital	0107729860 cấp ngày 21/02/2017 bởi Phòng ĐKKD - Sở KHĐT TP Hà Nội 0107729860 issued on 21 February 2017 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam	0	0%	
2	CTCP Golden Sakura/		Thành viên HĐQT/ Board Member	0106863239 cấp ngày 28/05/2015 tại Phòng đăng ký	Tầng 1, tòa nhà Sunrise Building, D11 Khu đô thị mới	0	0%	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Golden Sakura JSC			ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội 0106863239, first issued on 28 May 2015 by BRO-DPI Hanoi.	Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 1st Floor, Sunrise Building, D11 Cau Giay New Urban Area, Cau Giay Ward, Hanoi City, Vietnam.			
3.	Nguyễn Xuân Tường Mr. Nguyen Xuan Tuong		Phó Tổng Giám đốc / Thành viên HĐQT Deputy General Director / Board Member	-	-	449.629	5,77%	-
3.1.	Bùi Hồng Hạnh Mrs. Bui Thi Hong Hanh		Không. None.	-	-	400.000	5.13%	Vợ Wife
3.2.	Nguyễn Khánh Linh Nguyen Khanh Linh		Không. None.	-	-	0	0%	Con Daughter
3.3.	Nguyễn Xuân Quang		Không. None.	-	-	0	0%	Con Daughter

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Nguyễn Xuân Quang							
3.4.	Đỗ Thị Hồng Yến Mrs. Do Thi Hong Yen		Không. None.	-	-	0	0%	Mẹ đẻ Mother
3.5.	Bùi Văn Thanh Mr. Bui Van Thanh		Không. None.	-	-	0	0%	Bố vợ Father-in-law
3.6.	Nguyễn Thị Kiều Vân Ms. Nguyen Thi Kieu Van		Không. None.	-	-	0	0%	Em ruột Sister
3.7.	CTCP Phát triển sản xuất và Thương mại Hoàng An Hoang An Production Development and Trade Joint Stock Company		Không. None.	0104785962 cấp ngày 07/07/2010 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0104785962 issued on 07 July 2010 by BRO-DPI Hanoi	Số 60, phố Giang Văn Minh, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No. 60, Giang Van Minh Street, Doi Can Ward, Ba Dinh District, Hanoi City, Vietnam	0	0%	Sở hữu cổ phần Owning shares

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
3.8.	CTCP Thực phẩm W&E W & E Food Joint Stock Company		Giám đốc / Người đại diện theo pháp luật Director / Legal Representative	0107343546 cấp ngày 04/03/2016 bởi Phòng ĐKKD - Sở KHĐT TP Hà Nội 0107343546 issued on 04 March 2016 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 9, Tòa nhà Toyota Thanh Xuân, số 315 đường Trường Chinh, Phường Phượng Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 9th Floor, Toyota Thanh Xuan Building, No. 315 Truong Chinh Street, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam.	0	0%	Sở hữu cổ phần Owning shares
3.9.	CTCP Quince Việt Nam Quince Vietnam Joint Stock Company		Không. None.	0107275705 cấp ngày 31/12/2015 bởi Phòng ĐKKD - Sở KHĐT TP Hà Nội 0107275705 issued on 31 December 2015 by BRO-DPI Hanoi	Số 11, ngách 9/2 Đặng Thai Mai - Phường Quảng An - Quận Tây Hồ - Hà Nội. No 11, Lane 9/2 Dang Thai Mai, Quang An, Tay Ho, Hanoi	0	0%	Sở hữu cổ phần Owning shares
3.10.	Công ty TNHH Combo Home Việt Nam		Không. None.	0109023830 cấp ngày 16/12/2019 bởi Phòng ĐKKD - Sở KHĐT TP Hà Nội	Nhà số 4/50 ngõ 1194 đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	0	0%	Sở hữu một phần vốn góp Owning a portion of capital

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Combo Home Vietnam Company Limited			0109023830 issued on 16 December 2019 by BRO-DPI Hanoi	4/50 Lane 1994 Lang, Lang Thuong Ward, Dong Da, Hanoi, Vietnam			
3.11.	CTCP Đầu tư Bất động sản Relax House Relax House Real Estate Investment Joint Stock Company		Không. None.	0109394472 cấp ngày 28/10/2020 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0109394472 issued on 28 October 2020 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 3, nhà D, Tòa văn phòng VINACONEX 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội F3, Building D, Vinaconex I Office Building, 298A Khuat Duy Tien, Trung Hoa, Cau Giay, Hanoi	0	0%	Sở hữu cổ phần Owning shares
3.12.	CTCP Golden Gate Partners Golden Gate Partners Joint Stock Company		Thành viên HĐQT Board Member	0106577012 cấp ngày 19/06/2014 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Hà Nội 0106577012 issued on 19 June 2014 by BRO-DPI Hanoi	Số 10, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. No. 10, Hoa Ma Street, Pham Dinh Ho Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi City, Vietnam.	2.300.000	29,51%	Sở hữu cổ phần Owning shares

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
3.13.	CTCP Two Kings Invest Two Kings Invest Joint Stock Company		Thành viên HĐQT Board Member	0107600793 cấp ngày 17/10/2016 bởi Phòng ĐKKD - Sở KHĐT TP Hà Nội 0107600793 issued on 17 October 2016 by BRO-DPI Hanoi	Số nhà 43, lô đất TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam No 43, TT4 KTD C 7.3 and 8.1 My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem, Hanoi, Vietnam	0	0%	Sở hữu cổ phần Owning shares
3.14.	Công ty TNHH Two Kings Distribution Two Kings Distribution Co., Ltd		None Không có	0107655545 cấp ngày 05 tháng 12 năm 2016 bởi Phòng ĐKKD - Sở KHĐT, TP Hà Nội 0107655545 issued on December 12 th 2016 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 1, số nhà 43, lô đất số TT4, khu tái định cư 7.3 và 8.1, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam. 1st floor, house number 43, land lot number TT4, resettlement area 7.3 and 8.1, My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, City, Hanoi Vietnam.	0	0%	Sở hữu vốn gián tiếp Indirectly owning capital
3.15.	Công ty TNHH Two		Không có None	0109186017 cấp ngày 18 tháng 5 năm 2020 bởi	Số 1 Ngách 3/11 Phố Phạm Tuấn Tài, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận	0	0%	Sở hữu vốn gián tiếp

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Kings – Services Two Kings – Services Company Limited			Phòng ĐKKD – Sở KHĐT, TP Hà Nội 0109186017 issued on May 18 th 2016 by BRO-DPI Hanoi	Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam No. 1 Lane 3/1/1 Pham Tuan Tai Street, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay District, City, Hanoi Vietnam			Indirectly owning capital
3.16.	Công ty TNHH Vostochnyi- Alyans Việt Nam Vostochnyi- Alyans Vietnam Co., Ltd		Không có None	0105934582 cấp ngày 04 tháng 07 năm 2012 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT, TP Hà Nội 0105934582 issued on July 4 th 2012 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 6, tòa nhà 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Floor 6, Building 315 Trường Chinh, Khuong Mai Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam.	0	0%	Sở hữu vốn gián tiếp Indirectly owning capital
3.17.	CTCP The Concept House The Concept House Joint Stock Company	-	Chủ tịch HĐQT Chairman of BOD	0107729860 cấp ngày 21/02/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107729860 issued on 21 February	Tầng 6, tòa nhà Toyota, số 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 6 th Floor, Toyota Building, No. 315 Trường Chinh, Khuong	0	0%	Sở hữu cổ phần Owning shares

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
3.18.	CTCP Golden Sakura Golden Sakura Joint Stock Company		Đại diện theo pháp luật/ Đại diện phần vốn Legal representative/ Representative of contributed capital	0106863239 cấp ngày 28/05/2015 tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở KHĐT TP Hà Nội 0106863239 issued on 28 May 2015 by BRO-DPI Hanoi	Tầng 1, tòa nhà Sunrise Building, D11 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam 1st Floor, Sunrise Building, D11 Cau Giay New Urban Area, Cau Giay Ward, Hanoi City, Vietnam.	0	0%	Sở hữu cổ phần Owning shares
3.19.	Công ty TNHH Golden Gate Red Hots Golden Gate Red Hots Company Limited	-	Đại diện theo pháp luật/ Legal representative	0314212735 cấp ngày 20/01/2017 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP HCM 0314212735 issued on 20 January 2017 by BRO-DPI HCM City	Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam 7th Floor Gigamall Shopping Center, No. 240-242 Pham Van Dong, Hiep Binh Ward,	0	0%	

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
3.20.	Công ty TNHH giải pháp nguồn nhân lực Golden Stars (Tên cũ: Công ty TNHH MTV The Coffee Inn) Golden Stars Human Resource Solutions Company Limited (Former name: The Coffee Inn Co., Ltd.)		Đại diện theo pháp luật/ Chủ tịch Công ty Legal representative/ Company's Chairman	0107608351 cấp ngày 24/10/2016 bởi Phòng ĐKKD – Sở KHĐT TP Hà Nội 0107608351 issued on 24 October 2016 by BRO-DPI Hanoi	Lô 38H Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Lot 38H Quang Minh Industrial Zone, Quang Minh commune, Hanoi City, Vietnam	0	0%	
4.	Ông Dickson Loo Tit Choon		Thành viên HĐQT Board Member	-	-	0	0%	-

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Mr. Dickson Loo Tit Choon							
4.1.	Gayle Ong Hui-Hoen		Không. None.	-	-	0	0%	Vợ Wife
4.2.	Matthew Declan Loo		Không. None.	-	-	0	0%	Con Child
4.3.	Chloe Isabel Loo		Không. None.	-	-	0	0%	Con Child
4.4.	Tay Seck Khoon		Không. None.	-	-	0	0%	Mẹ đẻ Mother
4.5.	Jeanny Ng		Không. None.	-	-	0	0%	Mẹ vợ Mother-in-law
4.6.	Terence Loo		Không. None.	-	-	0	0%	Anh/Em ruột Brother
4.7.	Vikram Nair		Không. None.	-	-	0	0%	Anh/Em rể Brother-in- law
4.8.	Faye Ong		Không. None.	-	-	0	0%	Chị/em dâu Sister-in-law

STT <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
5.	Nguyễn Phương Lan <i>Mrs. Nguyen Phuong Lan</i>		Giám đốc tài chính <i>CFO</i>	-	-	14.800	0,19%	-
5.1.	Lê Tiến <i>Mr. Le Cong Tien</i>		Không. <i>None</i>	-	-	0	0%	Chồng <i>Husband</i>
5.2.	Lê Khanh <i>Le Khanh</i>		Không. <i>None</i>	-	-	0	0%	Con <i>Son</i>
5.3.	Lê Khôi <i>Le Khoi</i>		Không. <i>None</i>	-	-	0	0%	Con <i>Son</i>
5.4.	Lê Thị Minh Phuong <i>Mrs. Le Thi Minh Phuong</i>		Không. <i>None</i>	-	-	0	0%	Mẹ đẻ <i>Mother-in-law</i>
5.5.	Lê Thành <i>Le Thanh</i>		Không. <i>None</i>	-	-	0	0%	Bố chồng <i>Father-in-law</i>

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Mr. Le Cong Thanh							
5.6.	Phan Thị Tám Mrs. Phan Thi Tam		Không. None	-	-	0	0%	Mẹ chồng Mother-in-law
5.7.	Nguyễn Phuong Ly Ms. Nguyen Phuong Ly		Không. None	-	-	681	0,01%	Em gái Sister
5.8.	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Trà Cà Phê VN VN Coffee Tea Service Trading Corporation		Thành viên HĐQT Board Member	-	-	0	0%	Thành viên HĐQT Board Member
5.9.	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Techcom Techcom Equity Fund		Chủ tịch Ban Đại Diện Chairman of the Board of Representative			0	0%	Chủ tịch Ban Đại Diện Chairman of the Board of Representative

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
5.10.	Quỹ Đầu tư Bất động sản Techcom Việt Nam Techcom Vietnam Reit Fund		Thành viên Ban Đại Diện Member of the Board of Representative			0	0%	Thành viên Ban Đại Diện Member of the Board of Representative
5.11.	Quỹ ETF Techcom Capital VNX50		Chủ tịch Ban Đại Diện Chairman of the Board of Representative			0	0%	Chủ tịch Ban Đại Diện Chairman of the Board of Representative
6.	Nguyễn Mạnh Đức Mr. Nguyen Manh Duc		Kế toán trưởng Chief Accountant		-	1.439	0,02%	-
6.1.	Hoàng Thị Mai Mrs. Hoang Thi Mai		Không. None			0	0%	Vợ Wife
6.2.	Nguyễn Hoàng Vinh		Không. None			0	0%	Con Son

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Nguyễn Hoàng Vinh							
6.3.	Nguyễn Hoàng Minh Mr. Nguyễn Hoàng Minh		Không. None			0	0%	Con Son
6.4.	Nguyễn Mạnh Viên Mr. Nguyễn Mạnh Viên		Không. None			0	0%	Bố đẻ Father
6.5.	Trần Duyên Mrs. Trần Thị Duyên		Không. None			0	0%	Mẹ đẻ Mother
6.6.	Hoàng Tân Mr. Hoàng Tân		Không. None			0	0%	Bố vợ Father-in-law
6.7.	Nguyễn Hồng Mrs. Nguyễn Thị Hồng		Không. None			0	0%	Mẹ vợ Mother-in-law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
6.8.	Nguyễn Thị Hải Yến Ms. Nguyen Thi Hai Yen		Không. None			0	0%	Em ruột Sister
7.	Lê Quốc Tuấn Mr. Le Quoc Tuan		Trưởng Ban Pháp chế / Người được ủy quyền công bố thông tin Head of Legal / Authorized spokesperson	-	-	681	0,01%	-
7.1.	Nguyễn Thị Cầm Hương Mrs. Nguyen Thi Cam Huong		Không. None	-	-	0	0%	Vợ Wife
7.2.	Lê Quốc Minh Le Quoc Minh		Không. None	-	-	0	0%	Con đẻ Son
7.3.	Lê Nguyễn Bảo Anh Le Nguyen Bao Anh		Không. None	-	-	0	0%	Con đẻ Daughter

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
7.4.	Lê Dâu Mr. Le Quang Dau		Không. None	-	-	0	0%	Bố đẻ Father
7.5.	Phạm Khue Mrs. Pham Thi Khue		Không. None	-	-	0	0%	Mẹ đẻ Mother
7.6.	Lê Tuấn Anh Mr. Le Tuan Anh		Không. None	-	-	0	0%	Anh ruột Brother
7.7.	Lê Mỹ Hạnh Mrs. Le My Hanh		Không. None	-	-	0	0%	Chị dâu Sister-in-law
7.8.	Lê Việt Anh Mr. Le Viet Anh		Không. None	-	-	0	0%	Anh ruột Brother
7.9.	Lê Thủy Hoa Mrs. Le Thuy Hoa		Không. None	-	-	0	0%	Chị dâu Sister in law
7.10.	Lê Ngọc Anh Ms. Le Ngoc Anh		Không. None	-	-	0	0%	Em ruột Sister

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
7.11.	Lưu Kim Hương Mrs. Lau Kim Huong		Không. None	-	-	0	0%	Mẹ vợ Mother-in-law
7.12.	Nguyễn Văn Hậu Nguyen Van Hau		Không. None	-	-	0	0%	Anh vợ Brother-in-law
7.13.	Nguyễn Thị Cầm Loan Nguyen Thi Cam Loan		Không. None	-	-	0	0%	Em vợ Sister-in-law
8.	Bà Hoàng Thu Hương Mrs. Hoang Thu Huong		Người phụ trách quản trị công ty Person in charge of corporate governance	-	-	324	0,00%	-
8.1.	Nguyễn Tuấn Nam Mr. Nguyen Tuân Nam		Không. None	-	-	0	0%	Chồng Husband
8.2.	Hoàng Văn Phức		Không. None	-	-	0	0%	Bố ruột Father

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Mr. Hoang Van Phuc							
8.3.	Phạm Mỹ Dung Ms. Phạm Mỹ Dung		Không. None			0	0%	Mẹ ruột Mother
8.4.	Nguyễn Văn Thịnh Mr. Nguyễn Văn Thịnh		Không. None			0	0%	Bố chồng Father-in-law
8.5.	Trần Thị Minh Hạnh Ms. Trần Thị Minh Hạnh		Không. None			0	0%	Mẹ chồng Mother-in-law
8.6.	Hoàng Thu Trang Ms. Hoàng Thu Trang		Không. None			0	0%	Chị gái Sister
8.7.	Nguyễn Hoàng Minh Mr. Nguyễn Hoàng Minh		Không None			0	0%	Con trai Son
9.	Nguyễn Anh Vũ		Thành viên HĐQT BOD Member			0	0%	

STT <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
9.1.	Dặng Thị Việt Anh <i>Ms. Dang Thi Viet Anh</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Vợ <i>Wife</i>
9.2.	Nguyễn Anh Minh <i>Mr. Nguyen Anh Minh</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Con <i>Son</i>
9.3.	Nguyễn Vũ Quang Nam <i>Mr. Nguyen Vu Quang Nam</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Con <i>Son</i>
9.4.	Nguyễn Anh Tuấn <i>Mr. Nguyen Anh Tuan</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Bố ruột <i>Father</i>
9.5.	Đinh Thị Vân Anh <i>Mrs. Dinh Thi Van Anh</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Mẹ ruột <i>Mother</i>
9.6.	Nguyễn Thị Xuân Tuyền		Không <i>None</i>			0	0%	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>

STT <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
	Mrs. Nguyen Thi Xuan Tuyen							
10.	Tăng Chí Minh <i>Mr. Tang Chi Minh</i>		Thành viên Ban Kiểm soát/ Giám đốc Nghiệp quyền và Tiêu chuẩn chuỗi <i>Supervisory Board Member/ Director of Franchise Platform & Chain Standard</i>			5.379	0,07%	-
10.1.	Trương Ngọc Diệp <i>Mrs. Trương Ngọc Diệp</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Vợ <i>Wife</i>
10.2.	Tăng Chí Mai <i>Ms. Tang Chi Mai</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Con <i>Daughter</i>
10.3.	Tăng Chí Thành <i>Mr. Tang Chi Thanh</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Bố đẻ <i>Father</i>

STT <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
10.4.	Nguyễn Thị Anh Nga <i>Mrs. Nguyen Thi Anh Nga</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
10.5.	Trương Ngọc Chương <i>Mr. Truong Ngoc Chuong</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Bố vợ <i>Father in law</i>
10.6.	Nguyễn Thị Thanh Thủy <i>Mrs. Nguyen Thi Thanh Thuy</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Mẹ vợ <i>Mother in law</i>
10.7.	Tăng Chí Anh <i>Mr. Tang Chi Anh</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Anh trai <i>Older brother</i>
10.8.	Nguyễn Thị Phương Lan <i>Mrs. Nguyen Thi Phuong Lan</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Chị dâu <i>Sister in law</i>

STT <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
11.	Tạ Thị Thu Hiền <i>Mrs. Ta Thi Thu Hien</i>		Thành viên Ban Kiểm soát/ Giám đốc Quản trị Nguồn Nhân lực/ <i>Supervisory Board Member/ Chief Human Capital Officer</i>			2.189	0.03%	
11.1.	Doãn Quang Linh <i>Mr. Doan Quang Linh</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Chồng <i>Husband</i>
11.2.	Tạ Văn Tuấn <i>Mr. Ta Van Tuan</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Bố đẻ <i>Father</i>
11.3.	Nguyễn Thị Tuyết Mai <i>Mrs. Nguyen Thi Tuyet Mai</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
11.4.	Doãn Xuân Hồng <i>Mr. Doan Xuan Hong</i>		Không <i>None</i>			0	0%	Bố chồng <i>Father-in-law</i>

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
11.5.	Đỗ Thị Soi Mrs. Do Thi Soi		Không None			0	0%	Mẹ chồng Mother-in-law
11.6.	Doãn Quang Gia Bảo Doan Quang Gia Bao		Không None			0	0%	Con dè Son
11.7.	Doãn Bình An Doan Binh An		Không None			0	0%	Con dè Son
11.8.	Tạ Quang Hiếu Mr. Ta Quang Hieu		Không None			0	0%	Em ruột Younger brother
11.9.	Tạ Thị Như Hoa Mrs. Ta Thi Nhu Hoa		Không None			0	0%	Em ruột Younger sister
11.10.	Trần Duy Nam Mr. Tran Duy Nam		Không None			0	0%	Em rể Brother-in- law

STT No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CNSH/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
11.11.	Nguyễn Hong Nhung Mrs. Nguyen Hong Nhung		Không None			0	0%	Em dâu Sister-in-law

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

STT No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	
1	Đào Thế Vinh	Là người nội bộ - Tổng giám đốc Internal person - CEO	461.884	5,93%	467.119	5,99%	Nhận chuyển nhượng Purchase of shares

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues
Không có.

Nơi nhận:

Recipients:

- Lưu: VT, QHCD

- Archived: Admin, IR


CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS 

TRẦN VIỆT TRUNG

